TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 103/2023/DS-ST.
Ngày: 31-7-2023.
V/v tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Duy Loan**;

2. Ông **Nguyễn Văn Ngoãn**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Phạm Thị Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên toà*:** Không.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 193/2023/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kiều T, sinh ngày 01/01/1970.

Địa chỉ: số nhà N, KDC N, Khu vực T, phường P, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Minh C).

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2023 của nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bà T trình bày:*

Từ năm 2015, vợ chồng bà T1 và ông C có đến cửa hàng bán thức ăn gia súc của bà tại chợ xã Thới An Hội để mua thức ăn về nuôi heo nhiều lần. Tính đến ngày 26/10/2015 bà T1, ông C còn nợ bà 15.408.000đồng, hai bên đã đối chiếu số nợ (có biên nhận nợ) sau đó có trả được 1.600.000đồng, còn lại 13.808.000đồng nhưng đến

nay bà T1, ông C không trả cho bà, bà có yêu cầu nhiều lần nhưng bà T1, ông C không trả.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị Kiều T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Minh C) cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 13.808.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

** Trong quá trình giải quyết vụ án các bị đơn bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C không có ý kiến phản đối cũng không yêu cầu phản tố mặc dù đã được Tòa án tống đạt trực tiếp, đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÓA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa các bị đơn bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho các bị đơn nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn theo qui định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Theo nguyên đơn trình bày: Từ năm 2015, vợ chồng bà T1 và ông C có đến cửa hàng bán thức ăn gia súc của bà T tại chợ Cầu Lộ thuộc ấp Ninh Thới, xã Thới An Hội để mua thức ăn về nuôi heo nhiều lần. Tính đến ngày 26/10/2015 bà T1, ông C còn nợ bà T số tiền là 15.408.000đồng, hai bên đã đối chiếu số nợ (có biên nhận nợ) sau đó bà T1, ông C có trả cho bà T bằng 02 con heo con trị giá là 1.600.000đồng, còn lại 13.808.000đồng đến nay bà T1, ông C không trả cho bà T, bà T có yêu cầu nhiều lần nhưng bà T1, ông C không trả.

Tại phiên tòa bà Phạm Thị Kiều T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Minh C) cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 13.808.000đồng, bà không yêu cầu tính lãi suất.

[2.2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, thấy rằng: Các bị đơn bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C đã trực tiếp ký nhận thông báo thụ lý vụ án kèm theo bản sa tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn cung cấp là "Tờ giấy nhận nợ do bà Trần Thị T1 ký ngày 26/10/2015" cùng các văn bản tố tụng của Tòa án. Như vậy sau khi thụ lý vụ án thì các bị đơn vẫn còn ở địa phương tại nơi cư trú nhưng trong quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến phản đối cũng không yêu cầu phản tố (không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký trong biên nhận nợ trên) và không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung giấy nhận nợ thể hiện: *"Bà T1 vợ ông C thừa nhận vợ chồng bà có thiếu bà T số tiền mua thực ăn gia súc là 15.408.000đồng, có trả cho bà T bằng 02 con heo con trị giá là 1.600.000đồng, còn lại 13.808.000đồng",* nhưng đến nay chưa trả nên Tòa án căn cứ vào quy định tại khoản

2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích ở Mục **[2]** là có căn cứ để buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Minh C) cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kiều T số tiền 13.808.000đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 357, 430, 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Bà T không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, 430, 440 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kiều T.

Buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Minh C) cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kiều T số tiền là 13.808.000đồng (Mười ba triệu T1 trăm linh T1 nghìn đồng). Bà T không yêu cầu tính lãi suất nên không đặt ra xem xét.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bà Phạm Thị Kiều T có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền trên thì hàng tháng bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Minh C) phải cùng liên đới có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Kiều T theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Trần Thị T1 và ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Minh C) phải cùng liên đới chịu 690.400đồng (Sáu trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị Kiều T không chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Kiều T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 345.200đồng (Ba trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm đồng) theo biên lai thu số 0007170 ngày 17/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Chi cục THADS huyện Kế Sách;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TRẦN THANH BÌNH